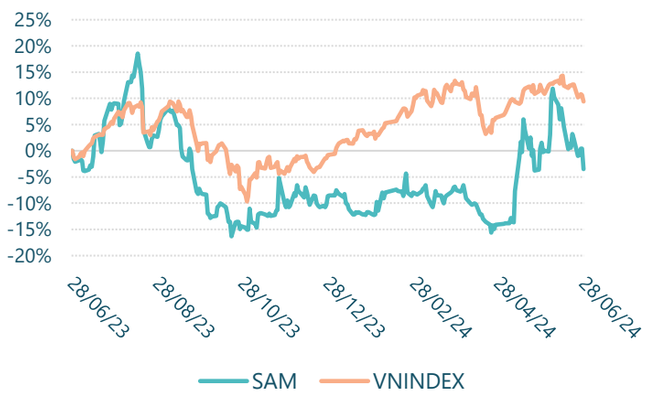
CTCP Sam Holdings (HSX: SAM)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	6,920 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.4%	**4.4%**	**7.8%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 8,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,629
Số lượng CPLH (CP)	379,960,971
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,916,609
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.70
EPS	193
P/E	35.9

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

1,635

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,012 | 162%

YoY: ▲ 1,142 | 232%

Nợ/VCSH

Q2/24

45.0%

YoY: +/-▲ 2.6%

LN gộp

Q2/24

60.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00 | 9.1%

YoY: ▲ 22.1 | 58.3%

ROE (TTM)

Q2/24

1.6%

YoY: +/-▲ 0.9%

LN trước thuế

Q2/24

49.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.6 | 42.3%

YoY: ▲ 38.8 | 377%

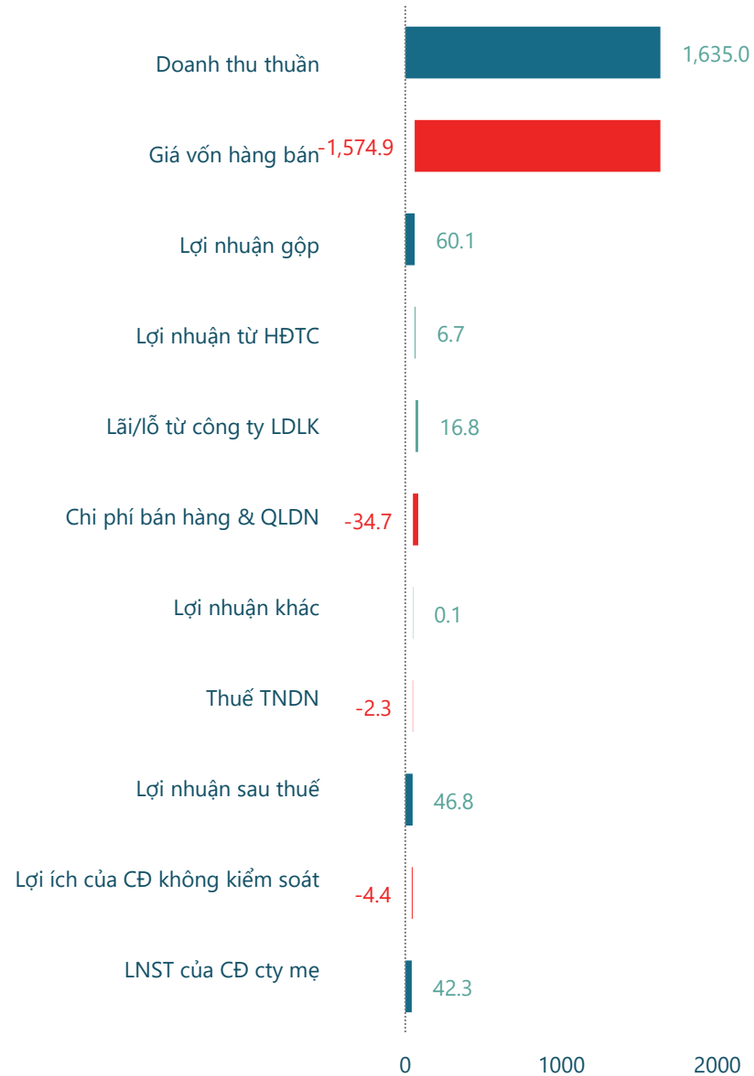
ROA (TTM)

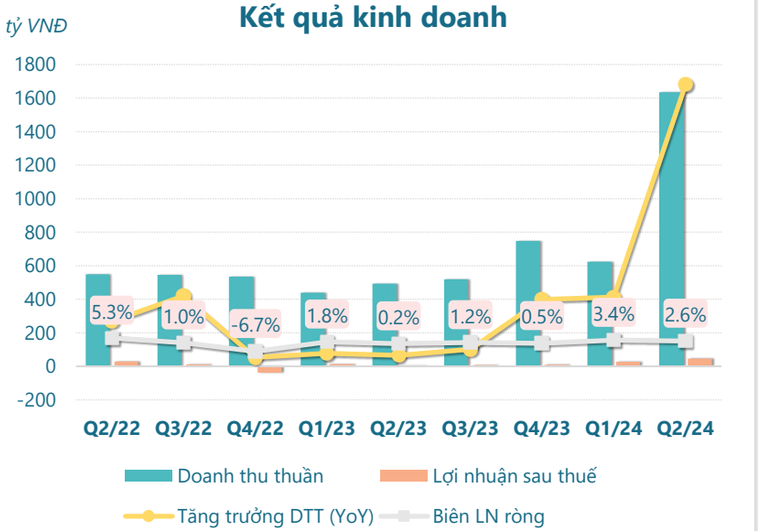
Q2/24

1.1%

YoY: +/-▲ 0.6%

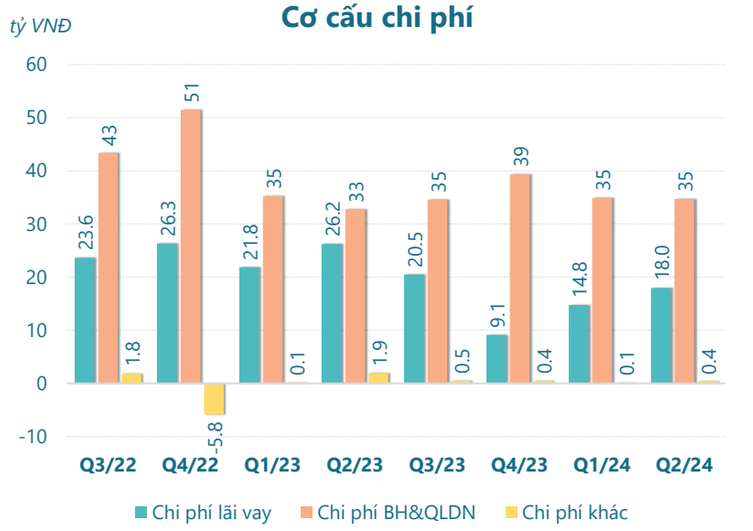
Kết quả kinh doanh Q2/24





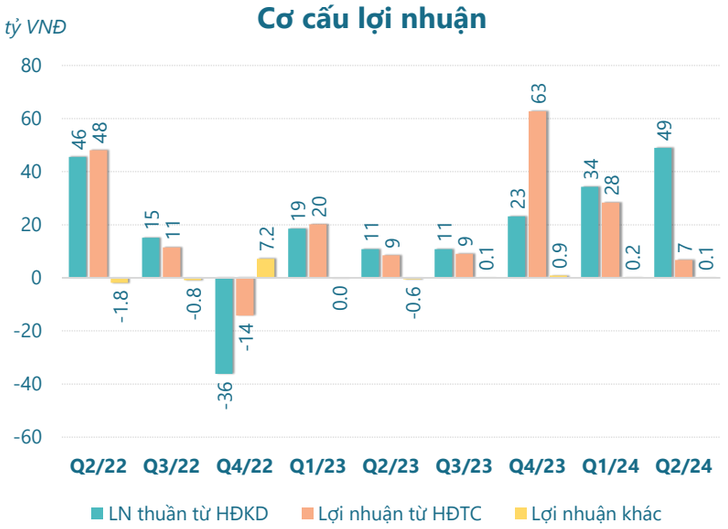
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 48.94 tỷ đồng**, tăng thêm 42.8% so với kỳ trước và cao hơn 351% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 6.70 tỷ đồng**, giảm đi 76.3% so với kỳ trước và thấp hơn 21.3% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.15 tỷ đồng**, giảm đi 37.5% so với kỳ trước và tăng thêm 0.71 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SAM** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,635 tỷ đồng** tăng thêm **232%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 46.78 tỷ đồng**, **tăng trưởng 983%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **2,258 tỷ đồng** cao hơn 142% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 75.00 tỷ đồng** cao hơn 341% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **17.97 tỷ đồng** tăng thêm 21.7% so với kỳ trước và thấp hơn 31.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **34.71 tỷ đồng** giảm đi 0.57% so với kỳ trước và cao hơn 6.02% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.37 tỷ đồng** tăng thêm 208% so với kỳ trước và thấp hơn 80.5% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Sam Holdings (HSX: SAM)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,635**	**623**	**162%**	**493**	**232%**	**2,258**	**932**	**142%**
Giá vốn hàng bán	1,575	568	177%	455	246%	2,143	856	150%
Lợi nhuận gộp	60.1	55.1	9.1%	38.0	58.3%	115	75.3	53.0%
Doanh thu HĐTC	33.2	44.7	-25.7%	35.4	-6.2%	77.9	77.9	-0.1%
Chi phí TC	26.5	16.4	61.6%	26.9	-1.5%	42.9	49.2	-13.0%
Chi phí lãi vay	18.0	14.8	21.4%	26.2	-31.4%	32.7	48.1	-31.9%
LN trong công ty LKLD	**16.8**	**-14.2**	**218%**	**-2.93**	**674%**	**2.59**	**-6.66**	**139%**
Chi phí bán hàng	14.9	14.0	6.7%	10.2	46.4%	28.9	21.0	37.6%
Chi phí QLDN	**19.8**	**20.9**	**-5.4%**	**22.5**	**-12.1%**	**40.7**	**47.0**	**-13.3%**
LN thuần từ HĐKD	48.9	34.3	42.7%	10.9	349%	83.2	29.4	183%
Lợi nhuận khác	**0.15**	**0.24**	**-37.6%**	**-0.56**	**127%**	**0.39**	**-0.57**	**168%**
LN trước thuế	49.1	34.5	42.3%	10.3	377%	83.6	28.8	190%
Lợi nhuận sau thuế	**46.8**	**27.8**	**68.3%**	**4.32**	**983%**	**74.6**	**17.2**	**334%**
LNST của CĐ cty mẹ	**42.3**	**21.0**	**102%**	**1.07**	**3856%**	**63.3**	**9.14**	**593%**

